

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 6 - 2025

V/v ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Vũ Linh

Bà Nguyễn Thị Thảo My

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hoàng, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Bị đơn: Anh Đào Thanh N, sinh năm 1989

Địa chỉ tạm trú: Thôn B, xã T, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Thanh N chung sống như vợ chồng từ năm 2022 nhưng đến ngày 11/7/2024 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn B, xã T nơi anh N đăng ký tạm trú. Thời gian đầu chung sống khi chưa đăng ký kết hôn thì vợ chồng hạnh phúc, đến khi chị mang thai từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vì để khai sinh cho con nên chị và anh Nam đăng ký kết hôn vào tháng 7/2024. Từ khi sinh con xong chị ở nhà chăm con, kinh tế phụ thuộc hết vào anh N nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung, kinh tế phụ thuộc vào anh N nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn, phát triển kinh tế, vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ tháng 01/2025 cho đến nay. Từ khi ly thân, chị T bỏ về nhà mẹ

để là bà Nông Thị S ở tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, từ đó vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, chị T xác định không còn tình cảm với anh N và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Thanh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Đào Công N1, sinh ngày 11/5/2024. Hiện nay cháu đang ở với chị tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Đào Công N1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh N không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu, giải quyết cho chị được ly hôn với anh N và đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí vì chị là hộ cận nghèo.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Đào Thanh N.

- Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Công N1, sinh ngày 11/5/2024.

Giao cháu Đào Công N1 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đào Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định, nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N đăng ký kết hôn ngày 11/7/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp.

Đời sống hôn nhân của chị T, anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài, nội dung này nguyên đơn cung cấp và được người thân trong gia đình xác nhận. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2025. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T về việc ly hôn với anh Đào Thanh N.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đào Công N1, sinh ngày 11/5/2024. Chị T có nguyện vọng được nuôi con, từ khi ly thân chị T đưa con về nhà mẹ đẻ ở tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L1 và hiện nay vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1. Bị đơn anh N không có mặt tại Tòa án để thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con hay không. Mặt khác, cháu N1 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Đào Thanh N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L1, tỉnh Tuyên Quang*).

[2] Về con chung: Giao cháu Đào Công N1, sinh ngày 11/5/2024 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đào Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã thị trấn L (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Đình Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Ngợi – Nguyễn Ngọc Tú

Nghiêm Đình Long

